TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/DS-ST
Ngày: 12-01-2021
V/v "Tranh chấp hợp đồng góp hụi và vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Cương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Ninh

2. Ông Thái Kim Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Xuân Son – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa: Bà Đặng Ngô Anh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 335/2020/TLST-DS ngày 19 tháng 11 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi và vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2020/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Huỳnh Thị Thu C, sinh năm 1974

Địa chỉ: Kp 3/319B, khu phố N, thị trấn G, huyện G, tỉnh T.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1988

Địa chỉ: 39N/1 khu phố 3, phường HT, Quận A, Thành phố HM;

Tạm trú: Nhà số 54A, ấp Tr, xã TP, huyện G, tỉnh T.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Anh Huỳnh Văn S, sinh năm 1975

Địa chỉ: cùng địa chỉ nguyên đơn

2. Anh Huỳnh Bửu Đ, sinh năm 1985

Địa chỉ: Nhà số 54A, ấp Tr, xã TP, huyện G, tỉnh T.

Tất cả các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16-11-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thu C trình bày:

Vợ chồng chị Nguyễn Thị Thanh H (tên thường gọi là T1) có tham gia hụi do chị làm chủ thảo, gồm:

- Dây 1: Hụi 5.000.000 đồng/tháng khui ngày 15-4-2019 (AL), mãn ngày 15-11-2020 (AL), hụi gồm 20 phần, chị H tham gia 01 phần, tên trong danh sách hụi viên là "Tiền", chị H hốt ngày 15-7-2019 (AL);

- Dây 2: Hụi 5.000.000 đồng/tháng khui ngày 10-9-2019 (AL), mãn ngày 10-10-2020 (AL), hụi gồm 14 phần, chị H tham gia 01 phần, tên trong danh sách hụi viên là "Tiền", chị H hốt ngày 10-3-2020 (AL);

- Dây 3: Hụi 5.000.000 đồng/tháng khui ngày 10-9-2019 (AL), mãn ngày 10-11-2020 (AL), hụi gồm 15 phần, chị H tham gia 01 phần, tên trong danh sách hụi viên là "Tiền", chị H hốt ngày 10-3-2020 (AL);

- Dây 4: Hụi 5.000.000 đồng/tháng khui ngày 20-01-2020 (AL), mãn ngày 20-01-2021 (AL), hụi gồm 14 phần, chị H tham gia 02 phần, tên trong danh sách hụi viên là "Tiền" và "Đạt", chị H hốt ngày 20-02-2020 và ngày 20-3-2020 (AL);

- Dây 5: Hụi 3.000.000 đồng/tháng khui ngày 20-01-2020 (AL), mãn ngày 20-11-2020 (AL), hụi gồm 12 phần, chị H tham gia 01 phần, tên trong danh sách hụi viên là "Tiền", chị H hốt ngày 20-3-2020 (AL);

- Dây 6: Hụi 5.000.000 đồng/tháng khui ngày 25-01-2020 (AL), mãn ngày 25-12-2020 (AL), hụi gồm 13 phần, chị H tham gia 01 phần, tên trong danh sách hụi viên là "Tiền", chị H hốt ngày 25-3-2020 (AL);

- Dây 7: Hụi 3.000.000 đồng/tháng khui ngày 25-01-2020 (AL), mãn ngày 25-11-2020 (AL), hụi gồm 12 phần, chị H tham gia 01 phần, tên trong danh sách hụi viên là "Tiền", chị H hốt ngày 25-5-2020 (AL);

- Dây 8: Hụi 5.000.000 đồng/tháng khui ngày 06-4-2020 (AL), mãn ngày 06-10-2021 (AL), hụi gồm 19 phần, chị H tham gia 01 phần, tên trong danh sách hụi viên là "Tiền", chị H hốt ngày 06-7-2020 (AL)

Chị H đã hốt hết 08 dây hụi và còn nợ lại tiền hụi chết chưa đóng. Sau khi hốt hụi, mỗi tháng chị H có đóng hụi chết cho chị nhưng không đầy đủ nên chị phải choàng hụi cho chị H. Đến tháng 9-2020 (AL), chị H có hứa sẽ mang tiền đến trả hết cho chị số tiền mà chị đã choàng hụi cho chị Huệ trước đó, nhưng chị H không thực hiện và cũng không tiếp tục đóng hụi nữa. Ngoài ra, chị H có mượn của chị số tiền 10.000.000 đồng để đóng tiền điện, thời gian mượn khi nào thì chị không nhớ, khi mượn cũng không có làm giấy nợ và không thỏa thuận tiền lãi. Khoảng đầu tháng 10-2020 (AL), giữa chị và chị H có gút nợ lại với nhau, chị H thống nhất còn nợ chị số tiền choàng hụi là 83.000.000 đồng, tiền hụi tháng 9 chưa đóng là 36.000.000 đồng, tiền hụi từ tháng 10 cho đến khi mãn hụi là 227.000.000 đồng và 10.000.000 đồng tiền mượn. Giấy gút nợ chị H có xem lại, hai bên có đối chiếu với nhau và chị H đồng ý ký tên.

Sau khi làm giấy gút nợ chị và chị H có thỏa thuận việc trả nợ nhưng không thỏa thuận được và chị H cũng không thực hiện việc đóng tiền hụi hàng

tháng cho chị. Nay chị yêu cầu chị H (T1) và anh Đ trả cho vợ chồng chị số tiền còn nợ là 356.000.000 (Ba trăm năm mươi sáu triệu) đồng. Chị không yêu cầu tính tiền lãi.

Tại phiên tòa, chị thừa nhận chị H có trả cho chị số tiền 1.200.000 đồng tiền nợ vay, nên chị chỉ yêu cầu chị H, anh Đ trả số tiền còn lại sau khi khấu trừ là 8.800.000 đồng. Tổng cộng số tiền chị H, anh Đ có trách nhiệm trả cho vợ chồng chị là 354.800.000 đồng.

Tại bản tự khai đề ngày 24-11-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh H (T1) trình bày:

Chị thống nhất với đơn khởi kiện và lời trình bày của chị C, chị thừa nhận có tham gia hụi và còn nợ tiền hụi chết của chị C. Do việc làm ăn của gia đình gặp khó khăn và thất bại nên chị không có khả năng đóng hụi cho chị C. Khoảng cuối tháng 9-2020 (AL), giữa chị và chị C có gút nợ với nhau, chị còn nợ chị C số tiền 346.000.000 đồng tiền hụi gồm các khoảng như chị C trình bày là đúng và 10.000.000 đồng tiền chị mượn để thanh toán tiền điện. Chị có gặp chị C để xin trả mỗi tháng 10.000.000 đồng nhưng chị C không đồng ý. Nay chị C yêu cầu trả nợ chị đồng ý trả, nhưng chị không yêu cầu anh Đ có trách nhiệm cùng trả nợ.

Tại phiên tòa, chị H trình bày sau khi mượn của chị C 10.000.000 đồng để đóng tiền điện, mỗi ngày chị có góp cho chị C 300.000 đồng trong 04 ngày được số tiền là 1.200.000 đồng.

Tại bản tự khai đề ngày 03-12-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Văn S trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của chị C, anh yêu cầu vợ chồng chị H và anh Đ cùng có trách nhiệm trả cho vợ chồng anh số tiền 354.800.000 đồng, anh cũng không yêu cầu tính tiền lãi. Ngoài ra, anh không yêu cầu gì khác.

Tại biên bản hòa giải ngày 11-12-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Bửu Đ trình bày:

Việc chị H có tham gia hụi và vay mượn tiền của của chị C anh không biết. Nếu chị H thừa nhận có nợ tiền như chị C trình bày thì đây là nợ riêng của chị H nên anh không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của chị C, yêu cầu chị H có trách nhiệm trả nợ.

Tại phiên tòa, anh Đ đồng ý cùng chị H trả cho chị C, anh S tổng số tiền 354.800.000 đồng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự, riêng anh Đ chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của đương sự về việc chưa cung cấp văn bản ghi ý kiến của mình đối với nội dung vụ án, không thực hiện việc triệu tập để thu thập chứng cứ của Tòa án.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Thu C. Buộc chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Huỳnh Bửu Đ có nghĩa vụ trả cho chị C và anh S số tiền nợ gốc 354.800.000 đồng, trong đó nợ hụi là 346.000.000 đồng và nợ vay là 8.800.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy:

[1.1] Đối với phần nợ hụi: Thực tế, chị Nguyễn Thị Thanh H có tham gia các dây hụi do chị Huỳnh Thị Thu C làm chủ thảo, chị H cũng thống nhất với các dây hụi mà chị C đã trình bày. Các dây hụi trên chị H đều đã hốt và chưa trả xong tiền hụi chết. Ngoài ra, chị H còn thừa nhận giữa chị và chị C có gút nợ với nhau bao gồm các khoản: số tiền choàng hụi là 83.000.000 đồng, tiền hụi tháng 9 chưa đóng là 36.000.000 đồng, tiền hụi từ tháng 10 cho đến khi mãn hụi là 227.000.000 đồng. Chị H có ký tên "Tuyền" và ghi họ tên "Nguyễn Thị Thanh Tuyền" là tên gọi khác của chị H vào giấy gút nợ. Do chị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên chị C khởi kiện là đúng quy định của pháp luật. Chị H thống nhất về số tiền hụi còn nợ là 346.000.000 đồng và đồng ý trả cho chị C, anh S số tiền trên nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận là đúng quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự.

[1.2] Đối với phần nợ vay: Chị H thừa nhận có vay của chị C số tiền 10.000.000 đồng, nhưng cả hai đều không cung cấp được thời gian vay. Khi vay không có làm giấy tờ và cũng không thỏa thuận tiền lãi, mục đích vay là để thanh toán tiền điện. Tại phiên tòa, chị H cho rằng sau khi vay mỗi ngày chị có góp cho chị C số tiền 300.000 đồng trong thời gian 04 ngày, tổng cộng là 1.200.000 đồng được chị C thừa nhận và chị C đồng ý khấu trừ số tiền mà chị H đã góp vào tiền nợ vay nên chỉ yêu cầu chị H và anh Đ trả số tiền vay còn nợ là 8.800.000 đồng. Chị H cũng đồng ý trả số tiền 8.800.000 đồng cho chị C nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận là đúng quy định tại các điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự.

[1.2] Chị C, anh S không yêu cầu tính tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn đối với nghĩa vụ trả nợ của anh Huỳnh Bửu Đ:

[2.1] Anh Đ cho rằng việc chị H tham gia hụi và vay tiền của chị C anh hoàn toàn không biết, anh Đ cho rằng đây là nợ riêng của chị H nhưng anh Đ lại không chứng minh được đây là nợ riêng của chị H phát sinh trong thời kỳ hôn nhân.

[2.2] Qua thu thập chứng cứ, chị H cũng thừa nhận tuy khi chị H tham gia hụi của chị C thì anh Đ không biết, nhưng sau này anh Đ có nhận tiền hốt hụi và đóng tiền hụi chết cho chị C thay chị H. Và tại thời điểm chị C và chị H gút nợ

với nhau thì anh Đ có chứng kiến.

Hơn nữa, theo chị H mục đích hốt các dây hụi là để trang trải công việc làm ăn của gia đình và vay tiền của chị C để thanh toán tiền điện đến hạn. Từ đó có đủ căn cứ chứng minh số tiền chị H còn nợ chị C, anh S là nợ chung của chị H và anh Đ. Tại phiên tòa, anh Đ thay đổi ý kiến và đồng ý cùng chị H có trách nhiệm trả cho chị C, anh S tổng số tiền 354.800.000 trong đó gồm: 346.000.000 đồng tiền nợ hụi và 8.800.000 đồng tiền nợ vay nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận là có căn cứ theo quy định tại các điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 147, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 463, 466, 471 của Bộ luật Dân sự; các điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Huỳnh Bửu Đ đồng ý trả cho chị Huỳnh Thị Thu C và anh Huỳnh Văn S tổng số tiền 354.800.000 *(Ba trăm năm mươi bốn triệu tám trăm nghìn)* đồng (trong đó, tiền nợ hụi là 346.000.000 đồng, tiền nợ vay là 8.800.000 đồng).

Kể từ ngày chị C và anh S có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng chị H và anh Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Chị C và anh S không yêu cầu tính tiền lãi nên không giải quyết.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị H và anh Đ phải chịu 17.740.000 (*Mười bảy triệu bảy trăm bốn mươi nghìn*) đồng.

Hoàn trả cho chị C số tiền 8.900.000 *(Tám triệu chín trăm nghìn)* đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012540 ngày 19-11-2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

TRẦN THỊ KIM CƯƠNG